

Số: 2128/TB-HĐTD

Quảng Ninh, ngày 26 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

Kết quả trúng tuyển Kỳ thi tuyển lao động hợp đồng năm 2021

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-SYT ngày 01/10/2019 của Sở Y tế Quảng Ninh quy định về việc tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động và thí điểm áp dụng một số chính sách đối với người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động tại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế;

Thực hiện Kế hoạch số 1717/KH-BVT ngày 06/9/2021 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh về việc tuyển dụng lao động hợp đồng năm 2021, được Sở Y tế phê duyệt tại Quyết định số 1368/QĐ-SYT ngày 08/9/2021,

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển dụng LĐHĐ năm 2021 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh ngày 26/10/2021,

Hội đồng tuyển dụng LĐHĐ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh thông báo kết quả thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển lao động hợp đồng vào làm việc tại Bệnh viện năm 2021 như sau:

1. Công bố danh sách thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển lao động hợp đồng vào làm việc tại Bệnh viện năm 2021. *(có danh sách công bố kết quả trúng tuyển theo từng chuyên ngành dự tuyển)*

2. Triệu tập các thí sinh đã trúng tuyển tham gia ký kết hợp đồng thử việc, cụ thể:

- Thời gian: **08h00 ngày 01/11/2021, Thứ hai**

- Địa điểm: Hội trường tầng 3, Nhà Điều hành Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Yêu cầu thí sinh trúng tuyển có mặt đúng thời gian, địa điểm nêu trên để được hướng dẫn thủ tục ký kết hợp đồng thử việc.

Hết thời gian trên, thí sinh không có mặt theo Thông báo này thì kết quả trúng tuyển sẽ bị hủy theo đúng quy định.

Mọi chi tiết xin liên hệ tại Phòng Tổ chức cán bộ - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh hoặc qua số điện thoại: 02033.829.233 (vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần).

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận:

- P. TT-HCQT (Đăng tải Website của Bệnh viện);

- Lưu: VT, HĐTD. *Nhan*

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Trịnh Văn Mạnh

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG LĐHĐ NĂM 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN KỲ THI TUYỂN LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG NĂM 2021

(Kèm theo Thông báo số 2128/TB-HĐTD ngày 26/10/2021 của Hội đồng tuyển dụng Bệnh viện)

I. VTVL BÁC SĨ (29 Thí sinh)

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Văn bằng	Trường tốt nghiệp	Xếp loại TN	Điểm hồ sơ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
1	2	3	4	6	7	8	9	18	19	20	21
1	BS05	Vũ Việt Cường	21/9/1997	Bình Sơn Động, P Bình Dương, TX Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân Y	Giỏi	50	38	88	
2	BS43	Bùi Đức Mạnh	24/08/1995	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	Bác sĩ đa khoa	Đại học Y Hà Nội	Khá	50	37,2	87,2	
3	BS28	Vũ Việt Hùng	27/9/1995	Số 96 thôn Giếng Sen, xã Tiên An, TX Quảng Yên, Quảng Ninh	Bác sĩ đa khoa	Đại học Y Hà Nội	Khá	50	36	86	
4	BS37	Vũ Thành Lâm	19/5/1997	Xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Giỏi	47,5	36,6	84,1	
5	BS04	Nguyễn Thị Cúc	06/6/1997	Xóm 11, thôn Trọng Quan, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Giỏi	50	33,6	83,6	
6	BS07	Nguyễn Trần Minh Chiến	07/3/1997	Hà Trung, Hạ Long, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Hải Phòng	Khá	45	38,6	83,6	

Heu

82

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Văn bằng	Trường tốt nghiệp	Xếp loại TN	Điểm hồ sơ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
7	BS60	Đinh Trường Sinh	04/12/1997	Thôn Hoàng Nông, xã Lô Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Hải Phòng	Khá	47,5	36	83,5	
8	BS33	Trần Thị Hương	11/10/1997	Thôn Khuyên, xã Huyền Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Bác sĩ y khoa	Đại học Y - dược Thái Nguyên	Giỏi	50	33	83	
9	BS40	Dương Thùy Linh	23/8/1996	Bình Lãng, Tiền Phong, Ân Thi, Hưng Yên	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân y	Khá	45	38	83	
10	BS77	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/03/1997	Khu 1 phường Quảng Yên, Thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân Y	Khá	45	38	83	
11	BS25	Đinh Thị Huệ	23/3/1997	Thôn Quyết Tiến, xã Chi Lăng, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	47,5	35,2	82,7	
12	BS71	Trần Đình Thắng	17/01/1996	Tổ 41A khu 11, Quang Trung, Uông Bí, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y - dược Thái Nguyên	Khá	45	37,4	82,4	
13	BS53	Lê Thị Trà Nhi	20/9/1997	Quỳnh Vinh, Hoàng Mai, Nghệ An	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	47,5	34,4	81,9	
14	BS15	Phạm Thị Thuý Dương	02/12/1997	Số 369, phố 02, Mạo Khê, Đông Triều, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	45	36,6	81,6	
15	BS30	Bùi Thị Thu Huyền	03/11/1997	Thôn Cao Mỗ Đông, Chương Dương, Đông Hưng, Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	47,5	34	81,5	

Nên

Đ

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Văn bằng	Trường tốt nghiệp	Xếp loại TN	Điểm hồ sơ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
16	BS48	Nguyễn Thị Kim Ngân	21/12/1996	Nội Hoàng Tây, Hoàng Quế, Đông Triều, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y - dược Thái Nguyên	Khá	47,5	34	81,5	
17	BS73	Nguyễn Thị Thu	25/3/1997	Thôn Ngọc Lâu, xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân y	Khá	47,5	34	81,5	
18	BS84	Nguyễn Thị Vân	02/6/1997	Phạm Kha, Thanh Miện, Hải Dương	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Hải Phòng	Khá	47,5	34	81,5	
19	BS63	Bùi Như Tiến	26/3/1996	Thôn Cam Đông, xã Thụy Biên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	45	36,4	81,4	
20	BS78	Lê Quỳnh Trang	04/12/1997	Tổ 3, khu 5, Hồng Hải, Hạ Long, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Hải Phòng	Khá	45	36,2	81,2	
21	BS14	Nguyễn Thùy Dương	20/02/1997	Minh Quang, Kiến Xương, Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y - dược Thái Nguyên	Khá	45	36	81	
22	BS44	Nguyễn Hải Nam	19/7/1997	Tổ 3, khu 3, phường Hồng Hà, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân y	Khá	45	36	81	
23	BS49	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	14/4/1997	Xóm Bắc Cường, xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Giỏi	50	30,8	80,8	
24	BS47	Nguyễn Thị Ngân	03/7/1999	Tổ 2 khu 5 P Cẩm Trung, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Bác sĩ y đa khoa	Học viện Quân Y	Khá	45	35	80	

Meu

92

Stt	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Văn bằng	Trường tốt nghiệp	Xếp loại TN	Điểm hồ sơ	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Ghi chú
25	BS23	Nguyễn Thị Hoài	10/10/1997	Xã Khám Lạng, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang	Bác sĩ y khoa	Đại học Y - dược Thái Nguyên	Giỏi	47,5	32,4	79,9	
26	BS54	Nguyễn Thị Thu Phương	04/01/1996	Thôn 11, Hạ Long, Vân Đồn, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	47,5	32	79,5	
27	BS24	Vũ Mạnh Hoàng	13/12/1997	Thôn Cự Lâm, xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	47,5	31,8	79,3	
28	BS09	Trương Thùy Dung	26/9/1997	Quang Hanh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Hải Phòng	Khá	40	38,8	78,8	
29	BS20	Đỗ Thị Hà	11/5/1996	Xã Nam Dương, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Bác sĩ y khoa	Đại học Y dược Thái Bình	Khá	45	33,6	78,6	

II. VTVL ĐIỀU DƯỠNG (20 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
					Trắc nghiệm	Kỹ năng chuyên môn	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
1.1	Điều dưỡng (19 Thí sinh)								
1	Nguyễn Thị Thu Trang	12/08/2000	ĐDCĐ	ĐD53	96,00	94,52	95,50	95,34	
2	Vũ Thị Hà	22/10/1998	ĐDCĐ	ĐD09	82,00	84,30	96,00	87,43	

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
					Trắc nghiệm	Kỹ năng chuyên môn	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
3	Phan Thị Tâm	22/07/1998	ĐDCĐ	ĐD48	86,00	80,85	89,50	85,45	
4	Đinh Thị Hoa	13/02/1996	ĐDCĐ	ĐD17	70,00	90,35	96,00	85,45	
5	Đào Thị Hồng Ngọc	13/09/2000	ĐDCĐ	ĐD39	86,00	72,03	97,50	85,18	
6	Nguyễn Văn Trung	12/12/1997	ĐDCĐ	ĐD56	54,00	91,37	98,00	81,12	
7	Đào Kiều Loan	03/09/1999	ĐDDH	ĐD35	82,00	77,57	75,00	78,19	
8	Bùi Thị Hường	15/02/2000	ĐDCĐ	ĐD24	70,00	73,42	89,50	77,64	
9	Trần Ngọc Linh	21/03/1998	ĐDDH	ĐD31	70,00	70,96	91,00	77,32	
10	Bùi Thị Hương Giang	12/08/1996	ĐDCĐ	ĐD07	76,00	77,40	77,50	76,97	
11	Phạm Thị Hiền	24/08/1999	ĐDCĐ	ĐD14	66,00	78,64	86,00	76,88	
12	Tô Nguyễn Trường Phi	15/07/1999	ĐDCĐ	ĐD43	62,00	73,28	91,50	75,59	
13	Nguyễn Thị Hạnh	24/04/1995	ĐDCĐ	ĐD10	76,00	60,41	90,00	75,47	
14	Giáp Đoàn Thơm	19/07/1999	ĐDDH	ĐD51	68,00	80,67	77,50	75,39	
15	Nguyễn Hoài Linh	08/12/1997	ĐDCĐ	ĐD32	58,00	73,76	91,00	74,25	

Nhu

Q

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
					Trắc nghiệm	Kỹ năng chuyên môn	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
16	Bùi Thị Thu Huyền	23/05/1998	ĐDCĐ	ĐD21	64,00	65,87	91,50	73,79	
17	Vũ Thị Thu Hiền	13/05/1995	ĐDDH	ĐD13	82,00	59,53	77,50	73,01	
18	Nguyễn Thị Hà	11/01/1996	ĐDCĐ	ĐD08	58,00	82,07	76,00	72,02	
19	Trịnh Thị Ánh	25/12/1999	ĐDCĐ	ĐD02	70,00	64,56	80,00	71,52	
1.2.	Điều dưỡng có chứng chỉ đào tạo Nha khoa (01 Thí sinh)								
1	Nguyễn Hà Phương	01/02/1996	ĐDCĐ	ĐD46	66,00	75,49	92,50	78,00	

III. VTVL KỸ THUẬT Y (06 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi			Ghi chú
					Trắc nghiệm	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
2.1.	Chẩn đoán hình ảnh (02 Thí sinh)							
1	Đinh Bá Khánh	13/06/1999	CDHA	KTHA02	64,00	83,50	73,75	
2	Bùi Quang Hà	18/06/1999	CDHA	KTHA01	64,00	80,00	72,00	
2.2	Xét nghiệm (04 Thí sinh)							
1	Nguyễn Hồng Ngọc	22/05/1999	XN	KTXN06	84,00	96,50	90,25	

Phan

Phan

2	Đặng Đỗ Khánh Huyền	02/10/1999	XN	KTXN02	80,00	95,00	87,50	
3	Bùi Văn Phúc	06/03/1996	XN	KTXN07	78,00	91,00	84,50	
4	Đỗ Thị Minh Huyền	28/02/1999	XN	KTXN03	76,00	92,00	84,00	

IV. VTVL HỘ SINH (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi				Ghi chú
					Trắc nghiệm	Kỹ năng chuyên môn	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
1	Nguyễn Ánh Hoài	11/12/1999	HS	HS02	86,00	72,28	87,50	81,93	

V. VTVL QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi			Ghi chú
					Trắc nghiệm	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
1	Hoàng Mai Chi	12/02/1999	QLCL	QLCL01	58,00	92,00	75,00	

VI. VTVL CÔNG TÁC XÃ HỘI (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi			Ghi chú
					Trắc nghiệm	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
1	Điệp Thị Phương Thảo	11/10/1997	CTXH	CTXH03	62,00	76,50	69,25	

Nên

th

VII. VTVL KẾ TOÁN (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi			Ghi chú
					Trắc nghiệm	Phỏng vấn	Điểm trung bình	
1	Phạm Thị Thu Trang	18/01/1993	KT	KT02	94,00	81,50	87,75	

VIII. VTVL NHÂN VIÊN KỸ THUẬT (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi Sát hạch tay nghề			Ghi chú
					Giám khảo 1	Giám khảo 2	Điểm trung bình	
1	Nguyễn Việt Hưng	05/9/2003	CNĐ	CNĐ01	93	96	94,5	

IX. VTVL NHÂN VIÊN TẬP VỤ (01 Thí sinh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Đối tượng	Số báo danh	Điểm thi Phỏng vấn						Ghi chú
					Giám khảo 1	Giám khảo 2	Giám khảo 3	Giám khảo 4	Giám khảo 5	Điểm trung bình	
1	Nguyễn Thị Ngọc Anh	03/4/1983	TV	TV01	80	79	80	82	80	80,2	

Ấn định danh sách gồm 61 Thí sinh./.